



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH
507 Duy Tân, Phường Duy Tân, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam
Mã số thuế: 6101177237

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2023

Bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán
- Bảng kết quả kinh doanh
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh Báo cáo tài chính

Tháng 01/2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		58.114.459.861	39.927.930.211
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		7.918.260.814	2.060.359.134
1. Tiền	111	V.1	7.918.260.814	2.060.359.134
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		50.027.738.050	37.715.421.503
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	9.978.392.054	19.369.072.618
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	916.850.439	898.152.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	39.132.495.557	17.448.196.885
III. Tài sản ngắn hạn khác	150		168.460.997	152.149.574
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	168.460.997	152.149.574
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		846.757.967.718	949.315.483.294
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		259.015.747.965	325.905.747.965
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.4	259.015.747.965	325.905.747.965
II. Tài sản cố định	220		242.401.376.433	259.440.814.401
1. TSCĐ hữu hình	221	V.5	242.401.376.433	259.440.814.401
- Nguyên giá	222		474.417.372.118	474.417.372.118
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(232.015.995.685)	(214.976.557.717)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		342.526.461.728	360.048.104.123
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.6	234.220.000.000	234.220.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	V.6	138.600.000.000	138.600.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(30.293.538.272)	(12.771.895.877)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		2.814.381.592	3.920.816.805
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	2.814.381.592	3.920.816.805
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		904.872.427.579	989.243.413.505

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

(Tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày <u>31/12/2023</u>	Tại ngày <u>01/01/2023</u>
C. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		620.774.971.778	694.534.622.033
I. Nợ ngắn hạn	310		101.081.404.098	68.006.854.357
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8	2.666.455.781	3.036.358.798
2. Người mua trả tiền trước	312		80.899.560	0
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9	5.346.571.677	7.095.356.494
4. Phải trả người lao động	314		420.595.730	393.791.009
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.8	8.790.674.335	14.658.473.532
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.10	47.538.405.479	7.397.260.274
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	36.200.000.000	35.420.000.000
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		37.801.536	5.614.250
II. Nợ dài hạn	330		519.693.567.680	626.527.767.676
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.10	176.100.000.000	250.000.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11	343.593.567.680	376.527.767.676
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+420)	400		284.097.455.801	294.708.791.472
I. Vốn chủ sở hữu	410		284.097.455.801	294.708.791.472
1. Vốn góp chủ sở hữu	411	V.13	284.904.000.000	284.904.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411A		284.904.000.000	284.904.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		32.187.286	
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(838.731.485)	9.804.791.472
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421A		10.032.482.138	9.161.045.751
- LNST chưa phân phối kỳ này	421B		(10.871.213.623)	643.745.721
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN				
(440=300+400)	440		904.872.427.579	989.243.413.505

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ()

Người lập biểu

Trần Văn Giang

Trần Văn Giang

Kế toán trưởng

Hoàng Hữu Diên

Kon Tum, ngày 30 tháng 01 năm 2024

Tổng Giám đốc



Dinh Xuân Hoàng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023		Năm 2022	
			Quý IV năm 2023	Lũy kế đến 31/12/2023	Quý IV năm 2022	Lũy kế đến 31/12/2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	21.612.796.636	64.303.216.363	21.176.377.483	67.817.705.597
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01- 02)	10		21.612.796.636	64.303.216.363	21.176.377.483	67.817.705.597
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	5.810.857.712	24.263.115.209	5.710.439.423	23.155.409.328
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp (20=10-11)	20		15.801.938.924	40.040.101.154	15.465.938.060	44.662.296.269
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		6.291.320.197	27.265.807.665	14.799.773.647	30.186.053.023
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	13.077.699.860	73.647.741.654	17.343.735.928	69.296.971.916
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		11.103.179.312	47.198.154.054	9.946.475.654	46.862.015.761
8. Chi phí bán hàng	25					
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	1.270.602.577	4.573.382.862	907.233.169	4.581.063.043
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)- (25+26))	30		7.744.956.684	(10.915.215.697)	12.014.742.610	970.314.333
11. Thu nhập khác	31		200.008.000	200.008.000	9.000	6.325.293
12. Chi phí khác	32		2.490.599	156.005.926	976.020	47.257.646
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		197.517.401	44.002.074	(967.020)	(40.932.353)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		7.942.474.085	(10.871.213.623)	12.013.775.590	929.381.980
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.6	(166.255.098)		260.960.031	285.636.259
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		8.108.729.183	(10.871.213.623)	11.752.815.559	643.745.721

Người lập biểu

Trần Văn Giang

Trần Văn Giang

Kế toán trưởng

Hoàng Hữu Điền

Hoàng Hữu Điền

Kon Tum, ngày 30 tháng 01 năm 2024

Tổng Giám đốc



Dinh Xuân Hoàng

Dinh Xuân Hoàng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/12/2022
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(10.871.213.623)	929.381.980
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	17.039.437.968	17.164.896.706
- Dự phòng tài chính dài hạn	03	17.521.642.395	12.771.895.877
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(27.265.807.665)	(22.788.792.749)
- Chi phí lãi vay	06	47.198.154.054	46.862.015.761
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLD	08	43.622.213.129	54.939.397.575
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	54.577.683.456	(274.185.872.300)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(10.076.246.555)	251.651.035.735
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.090.123.790	(2.357.420.668)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(50.783.758.106)	(40.927.083.860)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(71.409.064)	(285.636.259)
- Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	16		
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	38.358.606.650	(11.165.579.777)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21		(234.500.000)
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(27.720.000.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			0
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.919.295.030	13.826.042.064
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.919.295.030	(14.128.457.936)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	95.777.346.414	0
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(130.197.346.414)	(25.580.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(34.420.000.000)	(25.580.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	5.857.901.680	(50.874.037.713)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.060.359.134	52.934.396.847
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	7.918.260.814	2.060.359.134

Người lập biểu

Trần Văn Giang

Trần Văn Giang

Kế toán trưởng

Hoàng Hữu Diên

Kon Tum, ngày 30 tháng 01 năm 2024

Tổng Giám đốc



Dinh Xuân Hoàng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2023

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý IV năm 2023

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1. Hình thức sở hữu vốn.

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh (tên gọi cũ: Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Ne) là doanh nghiệp được tách từ Công ty Cổ phần Tấn Phát, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần lần đầu ngày 21/5/2014 với mã số doanh nghiệp 6101177237, đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 20/05/2022.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TRUONG THINH ENERGY INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY;

Tên viết tắt là: TTE.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ chín ngày 20/05/2022 là 284.904.000.000 VND (Hai trăm tám mươi tư tỷ, chín trăm linh bốn triệu đồng).

Trụ sở chính của Công ty: 507 Duy Tân, phường Duy Tân, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

Điện thoại: (0236) 710.9886

E-mail: info@dientruongthinh.vn

Website: www.dientruongthinh.vn

Người đại diện theo pháp luật: Tổng Giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty.

Tổng số nhân viên Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2023 là 45 người

Công ty đang quản lý và vận hành 02(hai) nhà máy:

Nhà máy thủy điện ĐăkNe theo Giấy chứng nhận đầu tư số: 38121000013 do UBND tỉnh Kon Tum cấp lần đầu ngày 29/04/2008, điều chỉnh lần thứ 05 ngày 10/12/2021, quy mô nhà máy 8.1 MW;

Nhà máy thủy điện Tà Vi theo Giấy chứng nhận đầu tư số: 21/CN-UBND do UBND tỉnh Quảng Nam cấp lần đầu ngày 11/05/2009, điều chỉnh lần thứ 5 ngày 31/12/2019 với mã số dự án 5200631540, quy mô công suất 3MW.

2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Xây dựng các công trình đường sắt và đường bộ;

Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống, Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (thủy lợi, điện, cấp thoát nước, viễn thông).

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian là 12 tháng.

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng.

Trong kỳ kế toán, hoạt động của Công ty không có đặc điểm nào đáng kể có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính. Hoạt động của Công ty diễn ra bình thường.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2023, Công ty có các công ty con và đơn vị trực thuộc như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2023

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý IV năm 2023

Đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu/Quyền biểu quyết
a) Công ty con			
Công ty TNHH Trung Việt	507 Duy Tân phường Duy Tân Thành phố Kon Tum, Tỉnh KonTum	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	98%
b) Đơn vị trực thuộc			
Chi nhánh Công ty CP Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh tại Quảng Nam	Thôn 2, Xã Trà Giác, Huyện Bắc Trà My, Tỉnh Quảng Nam	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	100%
Văn phòng Đại diện Công ty CP Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh tại TP Đà Nẵng	Tầng 4, Tòa nhà Ricco, 363 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng		100%
c) Công ty liên kết			
Công ty Cổ Phần Thủy Điện Huồi Vang – Thành Bưởi	Số nhà 48, Tổ dân phố 6 Phường Thanh Bình, TP Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	38,40%
Công ty Cổ Phần Điện Bình Thủy Lâm Đồng	Thôn 16 xã Lộc Thành huyện Bảo Lâm tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	31,18%

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2. Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính Quý IV năm 2023 được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2023

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý IV năm 2023

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số: 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số: 53/2016/TT-BTC về sửa đổi, bổ sung thông tư số: 200/2014/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 3 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản tiền do doanh nghiệp khác và cá nhân ký cược, ký quỹ tại Công ty được quản lý và hạch toán như tiền của Công ty.

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, ngoại tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo nguyên tắc Bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế; Bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo Quy định Pháp luật, số dư ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế, là tỷ giá mua ngoại tệ ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

2. Nguyên tắc các khoản đầu tư tài chính

Gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ;

Đối khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định Pháp luật, kế toán tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, kế toán tiến hành ghi nhận số tổn thất vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy, kế toán tiến hành thuyết minh trên Báo cáo tài chính về khả năng thu hồi khoản đầu tư;

Các khoản cho vay theo kế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán. Tùy theo từng hợp đồng, các khoản cho vay theo kế ước có thể được thu hồi một lần tại thời điểm đáo hạn hoặc thu hồi dần từng kỳ.

Đối các khoản cho vay, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định pháp luật, kế toán tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản cho vay có thể thu hồi được, kế toán tiến hành ghi nhận số tổn thất vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định một cách đáng tin cậy, kế toán tiến hành thuyết minh trên Báo cáo tài chính về khả năng thu hồi các khoản cho vay;

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết: Các khoản đầu tư vào Công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty mẹ.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả kinh doanh trong kỳ Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phân thu hồi các khoản đầu tư và được giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm. Mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào Báo cáo tài chính riêng tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2023

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý IV năm 2023

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác: Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày theo phương pháp giá gốc.

3. Nguyên tắc kế toán khoản phải thu

Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua bán, như phải thu về bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý, nhượng bán tài sản (TSCĐ, các khoản đầu tư tài chính) giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm các khoản phải thu giữa Công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan giao dịch mua bán như;

Các khoản phải thu tạo ra doanh thu hoạt động tài chính, như khoản phải thu về lãi cho vay, tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia;

Các khoản chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại; Các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên ủy thác.

Các khoản phải thu không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tài sản thiếu chờ xử lý...

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu để phân loại dài hạn hoặc ngắn hạn. Các chỉ tiêu phải thu của Bảng cân đối kế toán có thể bao gồm cả các khoản được phản ánh ở các tài khoản khác ngoài các tài khoản phải thu

4. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Số năm khấu hao

Nhà cửa vật kiến trúc 05-50

Máy móc thiết bị 03-20

Phương tiện, vận tải truyền dẫn 06-30

Thiết bị dụng cụ quản lý 03 -08

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

5. Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng và chi phí phân bổ khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2023

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý IV năm 2023

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại các khoản phải trả để phân loại dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

7. Nguyên tắc khi nhận các khoản vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay có thời hạn nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch trả nợ.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn, ... được hạch toán chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo;

Hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ;

Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí phát sinh sẽ được hoàn nhập.

9. Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn Điều lệ thực góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông, quy định của Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

10. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ; được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn

(4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận thỏa mãn đồng thời (2) điều kiện sau;

Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2023

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý IV năm 2023

Thu nhập khác: Phản ánh khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh bao gồm:

- Thu nhập nhượng bán, thanh lý tài sản cố định;
- Thu nhập nghiệp vụ mua và bán lại tài sản;
- Các khoản thuế phải nộp

11. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn sản phẩm điện bao gồm: Chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung, và các chi phí khác được ghi nhận phù hợp doanh thu thực hiện trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu tiêu hao vượt định mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay giá vốn hàng bán (sau khi trừ chi phí bồi thường nếu có) kể cả sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

12. Nguyên tắc chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho và chi phí đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh, khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

Các khoản chi phí tài chính không coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ được hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng thuế TNDN phải nộp.

13. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

Các chi phí ghi nhận chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm,...

Các khoản chi phí ghi nhận chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí tiền lương bộ phận quản lý doanh nghiệp, khoản trích theo lương, nguyên vật liệu quản lý, khấu hao tài sản quản lý khoản trích lập dự phòng, phí môn bài, chi phí dịch vụ mua ngoài(điện, nước, văn phòng phẩm, ...) chi phí bằng tiền khác(tiếp khách, hội nghị...)

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Thu nhập chịu thuế của Công ty là thu nhập từ hoạt động kinh doanh của nhà máy thủy điện Đak ne và nhà máy thủy điện Tà vi. Do Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh được tách ra từ Công ty Cổ phần Tấn Phát và nhà máy thủy điện Đak ne sau đó bàn giao lại cho Công ty thủy điện Đakne vận hành. Theo Quy định tại khoản 3 điều 20, Nghị định số; 118/2013/NĐ/CP quy định kế thừa các ưu đãi thì thu nhập từ nhà máy thủy điện Đak Ne được kế thừa toàn bộ ưu đãi thuế TNDN còn lại của Công ty cổ phần Tấn Phát cụ thể:

- Áp dụng thuế suất ưu đãi 10% trong vòng 11 năm kể từ năm 2014;
- Giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm 2014;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2023

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý IV năm 2023

- Năm 2023 là năm thứ 10 Công ty được áp dụng thuế suất thuế TNDN 10% và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp đối với hoạt động nhà máy ĐakNe.
- Công ty áp dụng mức thuế suất TNDN là 20% với thu nhập từ hoạt động khác.

15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Các bên liên quan: Các doanh nghiệp, cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả Công ty mẹ, Công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể với Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết với các cá nhân này cũng được coi các bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

1. TIỀN VÀ CÁC TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

ĐVT; Đồng

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
Tiền mặt	67.156.540	190.887.957
Tiền gửi ngân hàng	7.851.104.274	1.869.471.177
Cộng	<u>7.918.260.814</u>	<u>2.060.359.134</u>

2. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
Tổng công ty Điện Lực Miền Trung (*)	9.978.392.054	19.369.072.618
Cộng	<u>9.978.392.054</u>	<u>19.369.072.618</u>

(*) Tiền điện đã xuất hóa đơn còn phải thu của Tổng Công ty điện lực Miền Trung.

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
Công ty CP TV XD năng lượng tái tạo	0	116.864.000
Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam	0	0
Công Ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật TDMN	0	181.028.000
Công Ty TNHH tư vấn xây dựng 78	535.260.000	535.260.000
Đài khí tượng thủy văn tỉnh Kon Tum	306.305.500	65.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2023

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý IV năm 2023

Trả trước cho người bán khác (*)	75.284.939	0
Cộng	<u>916.850.439</u>	<u>898.152.000</u>

(*) Giá trị trả trước cho người bán khác là giá trị tạm ứng cho các đối tác, nhà cung cấp thực hiện việc sửa chữa, thay thế thiết bị nhà máy Đakne, nhà máy Tà Vi nhưng đến ngày 31/12/2023 chưa thanh quyết toán.

4. PHẢI THU KHÁC

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
a) Ngắn hạn	39.132.495.557	17.448.196.885
* Phải thu tạm ứng	500.606.516	1.088.185.926
Hồ Thanh Tiến	140.780.430	-
Nguyễn Thị Như Hoa	23.700.000	-
Tạm ứng khác	336.126.086	-
* Phải thu ngắn hạn khác	38.631.889.041	
<i>Phải thu khác(Bùi Thị Thanh Huyền)</i>	4.000.000.000	
<i>Công Ty CP Phú Hữu Gia (*)</i>	25.484.898.630	3.958.421.918
<i>Công Ty CP Sam Holdings(*)</i>	-	10.836.098.630
<i>Phải thu khác là các bên liên quan</i>		
<i>Ông Trần Văn Hải</i>	9.146.990.411	1.565.490.411
<i>Thu tạm ứng khác:</i>		
b) Phải thu dài hạn khác	259.015.747.965	325.905.747.965
Ký Quỹ, Ký cược dài hạn	53.747.965	53.747.965
Phải thu dài hạn khác	0	-
<i>Công Ty CP Phú Hữu Gia (*)</i>	183.110.000.000	183.110.000.000
<i>Công Ty CP Sam Holdings(*)</i>	0	66.890.000.000
<i>Phải thu ông: Trần Văn Hải</i>	75.852.000.000	75.852.000.000
Tổng cộng (a)+(b)	<u>298.148.243.522</u>	<u>343.353.944.850</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2023

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý IV năm 2023

5. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

Diễn giải	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu kỳ	<u>369.996.813.760</u>	<u>99.522.827.269</u>	<u>3.685.550.375</u>	<u>1.212.180.714</u>	<u>474.417.372.118</u>
Mua trong năm	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	<u>369.996.813.760</u>	<u>99.522.827.269</u>	<u>3.685.550.375</u>	<u>1.212.180.714</u>	<u>474.417.372.118</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu kỳ	<u>151.728.915.758</u>	<u>60.101.153.277</u>	<u>2.902.007.973</u>	<u>244.480.709</u>	<u>214.976.557.717</u>
Hao mòn phát sinh	12.055.835.808	4.580.068.536	257.790.672	145.742.952	17.039.437.968
Số dư cuối kỳ	<u>163.784.751.566</u>	<u>64.681.221.813</u>	<u>3.159.798.645</u>	<u>390.223.661</u>	<u>232.015.995.685</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm:	<u>218.267.898.002</u>	<u>39.421.673.992</u>	<u>783.542.402</u>	<u>967.700.005</u>	<u>259.440.814.401</u>
Tại ngày 31/12/2023:	<u>206.212.062.194</u>	<u>34.841.605.456</u>	<u>525.751.730</u>	<u>821.957.053</u>	<u>242.401.376.433</u>

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối kỳ (VND)		Số đầu kỳ (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	234.220.000.000		234.220.000.000	
Công ty TNHH Trung Việt (1)	234.220.000.000		234.220.000.000	
Đầu tư vào Cty liên doanh liên kết	138.600.000.000	(30.293.538.272)	138.600.000.000	(12.771.895.877)
CT CP Điện Bình Thủy Lâm Đồng (2)	85.800.000.000	(8.794.620.545)	85.800.000.000	(4.323.675.315)
Cty CP TĐ Huổi Vang- Thành Bưởi (3)	52.800.000.000	(21.498.917.727)	52.800.000.000	(8.448.220.562)
Tổng cộng	372.820.000.000	(30.293.538.272)	372.820.000.000	(12.771.895.877)

(1) Khoản đầu tư chiếm 98% vốn góp của Công ty TNHH Trung Việt. Công ty TNHH Trung Việt là Công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp lần đầu số: 6100221010 ngày 22 tháng 3 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2023

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý IV năm 2023

(2) Khoản đầu tư này chiếm 31,18 % vốn góp của Công ty Cổ Phần Điện Bình Thủy Lâm Đồng. Công ty đã thanh toán 100% giá trị chuyển nhượng bằng tiền gửi ngân hàng. Hoạt động sản xuất chính của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

(3) Khoản đầu tư này chiếm 38.4% vốn góp của Công ty CP Thủy điện Huồi Vang – Thành Bưởi. Công ty đã thanh toán 100% giá trị chuyển nhượng bằng tiền gửi ngân hàng. Hoạt động sản xuất chính của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

* Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này vì các công ty này chưa niêm yết trên thị trường, đồng thời chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam không có hướng dẫn cụ thể về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
a) Chi phí trả trước ngắn hạn	<u>168.460.997</u>	<u>152.149.574</u>
Chi phí thuê văn phòng	91.536.363	61.690.910
Chi phí bảo hiểm nhà máy	66.924.634	90.458.664
Chi phí ngắn hạn khác	10.000.000	0
b) Chi phí trả trước dài hạn	<u>2.814.381.592</u>	<u>3.920.816.805</u>
Công cụ dụng cụ	0	0
Chi phí trả trước khác	2.814.381.592	3.920.816.805
Cộng (a)+(b)	<u>2.982.842.589</u>	<u>4.072.966.379</u>

8. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Diễn giải	<u>31/12/2023</u>		<u>01/01/2023</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty điện lực Kontum	17.645.401	17.645.401	17.645.401	17.645.401
CT cổ phần GE Tây Nguyên	50.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2023

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý IV năm 2023

CT CP chứng khoán quốc gia	2.598.400.000	2.598.400.000	2.598.400.000	2.598.400.000
Phải trả cho các đối tượng khác	410.380	410.380	410.380	410.380
Cộng	<u>2.666.455.781</u>	<u>2.666.455.781</u>	<u>2.666.455.781</u>	<u>2.666.455.781</u>

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ	Lũy kế đến 31/12/2023	Số đã nộp trong kỳ	Lũy kế số đã nộp 31/12/2023	Số cuối kỳ
Thuế GTGT	2.620.737.905	1.995.613.462	6.460.207.904	2.044.995.365	6.625.308.039	2.455.637.770
Thuế TNDN	363.474.303		0	166.255.099	363.474.302	1
Thuế TNCN	1.193.070.418	60.916.435	216.006.205	26.307.936	1.386.003.724	23.072.899
Thuế TN	1.314.475.878	2.202.060.221	5.822.107.126	1.230.671.549	5.634.904.589	1.501.678.415
Các loại thuế	1.603.597.990	1.130.311.420	2.833.997.316	1.058.929.180	3.071.412.714	1.366.182.592
Phí,nộp khác						
Cộng	<u>7.095.356.494</u>	<u>5.388.901.538</u>	<u>15.332.318.551</u>	<u>4.527.159.129</u>	<u>17.081.103.368</u>	<u>5.346.571.677</u>

10. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN, DÀI HẠN KHÁC

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
a) Chi phí phải trả ngắn hạn	8.790.674.335	14.658.473.352
Chi phí lãi vay phải trả	6.191.674.335	12.059.473.532
Chi phí phát hành trái phiếu	2.599.000.000	2.599.000.000
b) Phải trả ngắn hạn khác	47.538.405.479	7.397.260.274
Bảo hiểm xã hội	0	0
Bảo hiểm y tế	0	0
Bảo hiểm thất nghiệp	0	0
Ông: Bùi Xuân Huy	16.325.205.479	7.397.260.274
Bà: Đoàn Thị Ngọc Thu	31.213.200.000	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2023

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý IV năm 2023

Cộng (a)+(b)	<u>56.329.079.814</u>	<u>7.397.260.274</u>
c) Phải trả dài hạn khác	176.100.000.000	250.000.000.000
Ông Bùi Xuân Huy (*)	176.100.000.000	250.000.000.000
Cộng	<u>232.429.079.814</u>	<u>257.397.260.274</u>

(*) Khoản nhận hợp tác đầu tư theo hợp đồng số Số: 01/2022/HTĐT/BXH-TTE ngày 06/04/2022 giữa ông: Bùi Xuân Huy và Công ty Cổ Phần Đầu Tư Năng Lượng Trường Thịnh, giá trị hợp đồng là: 250.000.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2023

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý IV năm 2023

11. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Diễn giải	Số đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ		ĐVT: VNĐ
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Nợ dài hạn đến hạn trả	35.420.000.000	35.420.000.000	46.077.346.414	45.297.346.414	36.200.000.000	36.200.000.000	
NH NN và PTNN VN	6.220.000.000	6.220.000.000	10.400.000.000	6.220.000.000	10.400.000.000	10.400.000.000	
Ngân hàng TMCP Việt Á chi nhánh Đà Nẵng	29.200.000.000	29.200.000.000	2.777.346.414	31.977.346.414	25.800.000.000	25.800.000.000	
Ngân hàng TMCP Phương Đông CN Gia Định			32.900.000.000	7.100.000.000			
Vay dài hạn	376.527.767.676	376.527.767.676	87.665.800.004	120.600.000.000	343.593.567.680	343.593.567.680	
NH NN và PTNN Việt Nam	45.300.000.000	45.300.000.000	9.400.000.000		35.900.000.000	35.900.000.000	
Ngân hàng TMCP Việt Á chi nhánh Đà Nẵng	85.400.000.000	85.400.000.000		85.400.000.000			
Ngân hàng TMCP Phương Đông CN Gia Định	0	0	85.400.000.000	25.800.000.000	59.600.000.000	59.600.000.000	
Khoản vay trái phiếu không chuyển đổi (*)	245.827.767.676	245.827.767.676	2.265.800.004	-	248.093.567.680	248.093.567.680	
Cộng	411.947.767.676	411.947.767.676	133.743.146.418	165.897.346.414	379.793.567.680	379.793.567.680	

Khoản vay của Ngân hàng NN & PTNT Việt nam – Chi nhánh tỉnh Kon Tum là khoản vay dài hạn bằng VNĐ theo Hợp đồng Tín dụng số 01/2016/HĐTD-TV ngày 28/12/2016 với thời hạn cho vay là 144 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng, với mục đích sử dụng để thanh toán chi phí mua lại toàn bộ Nhà máy thủy điện Tà Vi theo Hợp đồng chuyển nhượng Nhà máy thủy điện Tà Vi số 01/2016/HĐCN/NV-ĐN ngày 04/11/2016 giữa Công ty CP Thủy điện Đắk Ne và Công ty TNHH Nước Vin. Khoản vay chịu lãi suất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2023

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý IV năm 2023

theo hình thức thà nổi được điều chỉnh tới đa 3 tháng 1 lần. Kỳ hạn trả nợ gốc và lãi là 6 tháng/lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là 100% giá trị Công trình Nhà máy thủy điện Tà Vi tại thôn 1 xã Trà Giác, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam.

Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Việt Á – Chi nhánh Hà Nội là khoản vay dài hạn bằng VND theo Hợp đồng Tín dụng số 031-14/HĐTDH ngày 31/12/2014 với thời hạn vay 144 tháng nhằm mục đích tài trợ và sửa chữa Nhà máy thủy điện Đăkne. Khoản vay chịu lãi suất 11,2%/năm. Công ty sử dụng toàn bộ giá trị Nhà máy thủy điện Đăkne để thế chấp cho khoản vay này. Khoản vay này Ngân hàng TMCP Việt Á bán nợ cho Ngân hàng TMCP Phương Đông theo Hợp đồng mua bán nợ số: 01/2023/HĐMBN-OCB-DN ngày 08/06/2023 giữa Ngân hàng TMCP Việt Á và Ngân hàng TMCP Phương Đông.

Khoản nợ tại Ngân hàng TMCP Phương Đông là khoản nợ mà Ngân hàng TMCP Việt Á bán nợ Ngân hàng TMCP Phương Đông theo thông báo V/v bán toàn bộ khoản nợ của Công ty CP Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh cho Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB) giá trị mua bán nợ số tiền: 93.000.000.000 đồng(Chín mươi ba tỷ đồng). Kể từ ngày 08/06/2023, khoản nợ của Công ty CP Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh sẽ thuộc quyền quản lý, sở hữu của Ngân hàng TMCP Phương Đông(OCB).

(*) Khoản vay trái phiếu không chuyển đổi thực hiện theo Nghị Quyết số 21/2021/NQ-HĐQT ngày 25/09/2021 về việc thông qua phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ năm 2021. Báo cáo kết quả chào bán trái phiếu riêng lẻ số 24/2021/BC-TTE ngày 18/12/2021, mã trái phiếu : TTEH2124001, hình thức trái phiếu: bút toán ghi sổ; hình thức phát hành: chào bán riêng lẻ; phương thức phát hành: đại lý phát hành; loại trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi. không kèm chứng quyền và bảo đảm bằng tài sản; mệnh giá trái phiếu: 100.000.000 đồng/trái phiếu; số liệu trái phiếu phát hành thành công: 2.499 trái phiếu, kỳ hạn trái phiếu: 36 tháng kể từ ngày phát hành; lãi suất trên danh nghĩa trái phiếu: 11%/năm, kỳ hạn trả lãi là 6 tháng; mục đích phát hành: bổ sung cho nguồn vốn hoạt động đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2023

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý IV năm 2023

12. NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Diễn giải	Số cuối kỳ		Số trong kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Nợ thuế tài chính của công ty	-	-	-	-	-	-
Tổng	-	-	-	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2023

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý IV năm 2023

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thông tin về vốn chủ sở hữu

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	284.904.000.000	284.904.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	<u>284.904.000.000</u>	<u>284.904.000.000</u>

Tình hình phát hành cổ phiếu của công ty tại 31/12/2023 như sau:

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	<u>Cổ phiếu</u>	<u>Cổ phiếu</u>
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	28.490.400	28.490.400
Cổ phiếu phổ thông	28.490.400	28.490.400
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	28.490.400	28.490.400
Cổ phiếu phổ thông	28.490.400	28.490.400
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. DOANH THU BÁN HÀNG

	<u>Từ 01/10/2023</u> <u>đến 31/12/2023</u>	<u>Từ 01/10/2022</u> <u>đến 31/12/2022</u>
Nhà máy Đakne	16.078.791.386	15.454.220.381
Nhà máy Tà Vi	5.534.005.250	5.722.157.102
Cộng	<u>21.612.796.636</u>	<u>21.176.377.483</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2023

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý IV năm 2023

2. GIÁ VỐN CUNG CẤP DỊCH VỤ

Giá vốn bán điện	Từ <u>01/10/2023</u> đến <u>31/12/2023</u>	Từ <u>01/10/2022</u> đến <u>31/12/2022</u>
Nhà máy Đakne	4.342.713.616	4.151.414.016
Nhà máy Tà Vi	1.468.144.096	1.559.025.407
Cộng	<u>5.810.857.712</u>	<u>5.710.439.423</u>

3. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ <u>01/10/2023</u> đến <u>31/12/2023</u>	Từ <u>01/10/2022</u> đến <u>31/12/2022</u>
Chi phí nhân công	874.950.751	763.323.393
Chi phí khấu hao	4.259.859.492	4.262.934.843
Chi phí dịch vụ mua ngoài	537.938.198	376.372.952
Chi phí khác bằng tiền	138.109.271	307.808.235
Cộng	<u>5.810.857.712</u>	<u>5.710.439.423</u>

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ <u>01/10/2023</u> đến <u>31/12/2023</u>	Từ <u>01/10/2022</u> đến <u>31/12/2022</u>
Nhà máy Đakne	2.700.395.661	3.517.182.334
Nhà máy Tà Vi	907.599.403	1.268.791.232
Chi phí lãi vay trái phiếu	6.853.421.918	5.160.502.088
Chi phí tài chính khác	2.616.282.878	7.397.260.274
Hoàn nhập chi phí dự phòng	-	-
Cộng	<u>13.077.699.860</u>	<u>17.343.735.928</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2023

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý IV năm 2023

5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Từ 01/10/2023</u> <u>đến 31/12/2023</u>	<u>Từ 01/10/2022</u> <u>đến 31/12/2022</u>
Chi phí nhân viên	566.334.800	604.144.912
Chi phí đồ dùng văn phòng	4.466.117	7.324.200
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	0
Thuế, phí và lệ phí	4.557.631	7.220.048
Chi phí dịch vụ mua ngoài	0	
Các khoản chi phí khác	695.244.029	288.544.009
Cộng	<u>1.270.602.577</u>	<u>907.233.169</u>

6. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	<u>Từ 01/10/2023</u> <u>đến 31/12/2023</u>	<u>Từ 01/10/2022</u> <u>đến 31/12/2022</u>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	7.942.474.085	12.013.775.590
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Các khoản chi phí không được khấu trừ	116.490.599	
Thu nhập chịu thuế	8.058.964.684	12.013.775.590
Thu nhập chịu Thuế suất 10% (i)		0
Thu nhập chịu Thuế suất 20% (ii)	0	260.960.031
Thuế TNDN phải nộp theo suất ưu đãi	0	0
Đ/c Thuế TNDN được miễn, giảm	0	0
Thuế TNDN phải nộp (*)	0	260.960.031

(i) Thuế suất 10% là cho hoạt động kinh doanh của nhà máy Thủy điện Đăk Ne: Do Công ty Cổ Phần Đầu Tư Năng Lượng Trường Thịnh (Tên cũ: Công ty Cổ Phần Thủy điện Đăk Ne) được tách ra từ Công ty Cổ Phần Tấn Phát và nhà máy thủy điện Đăk Ne được bàn giao lại cho Công ty Cổ Phần Đầu Tư Năng Lượng Trường Thịnh vận hành, theo quy định tại khoản 3, điều 20, nghị định số 218/2013/NĐ-CP 218/2013/NĐ-CP quy định về kế thừa các ưu đãi thuế thì thu nhập từ nhà máy thủy điện Đăk Ne được kế thừa toàn bộ ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp còn lại của Công ty Cổ Phần Tấn Phát cụ thể:

- Thuế suất ưu đãi 10% áp dụng trong vòng 11 năm kể từ năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2023

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý IV năm 2023

- Giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm 2014.

(ii) Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 20% tương ứng cho hoạt động kinh doanh của nhà máy Thủy điện Tà Vi.

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

a) Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan:

1. Công ty TNHH Trung Việt

Ông Đinh Xuân Hoàng

2. Ông Phương Thừa Vũ

3. Ông Đinh Xuân Hoàng

4. Ông Hoàng Hữu Điền

Mối quan hệ

Công ty Con

Tổng giám đốc CT Trung Việt

Chủ tịch HĐQT

Tổng giám đốc

Phó TGD kiêm Kế toán trưởng

b) Tại ngày 31/12/2023, Số dư các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		
-Cty CP Điện Bình Thủy Lâm Đồng	85.800.000.000	68.640.000.000
-Cty CP Thủy điện Huổi Vang- Thành Bưởi	52.800.000.000	42.240.000.000

c) Thu nhập của Thành viên HĐQT và Ban Giám đốc

	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
Thù lao HĐQT và thu nhập Ban Giám đốc	219.000.000	210.000.000

14. Báo cáo bộ phận

a. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty được tổ chức theo đơn kinh doanh dựa trên sản phẩm Chính của công ty là Sản xuất, phân phối và truyền tải điện, trong kỳ Công ty chỉ phát sinh doanh thu và chi phí liên quan đến việc Sản xuất điện để bán cho Tập đoàn điện lực.

Bộ phận Sản xuất, phân phối và truyền tải điện: là bộ phận Sản xuất điện của nhà máy để bán cho Tập đoàn điện lực.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2023

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý IV năm 2023

Kết quả kinh doanh của các bộ phận được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho việc ra quyết định, phân bổ nguồn lực và đánh giá thành tích.

b. Bộ phận theo khu vực địa lý

Thông tin về doanh thu, giá vốn, lợi nhuận theo khu vực địa lý của Công ty như sau:

Chỉ tiêu	Quý IV.2023			Đơn vị tính: 1.000 VND Quý IV.2022		
	Tỉnh Kon Tum	Ngoài Kon Tum	Tổng cộng	Tỉnh Kon Tum	Ngoài Kon Tum	Tổng cộng
Doanh thu	16.078.791	5.534.005	21.612.796	15.454.220	5.722.157	21.176.377
Giá vốn hàng bán	4.342.714	1.468.144	5.810.858	4.151.414	1.559.025	5.710.439
Lợi nhuận gộp theo bộ phận	11.736.078	4.065.861	15.801.939	11.302.806	4.163.132	15.465.938

15. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh được thu thập từ Báo cáo tài chính kiểm toán kết thúc ngày 31/12/2022 và Báo cáo tài chính Quý IV năm 2022 đã lập của Công ty.

16. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hay công bố trong báo cáo tài chính Quý IV năm 2023

Kon Tum, ngày 30 tháng 01 năm 2024

Người lập biểu

Trần Văn Giang

Kế toán trưởng

Hoàng Hữu Diên

Tổng Giám đốc


Dinh Xuân Hoàng